TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 436/2019/HNST
Ngày: 15-07-2019
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hòa Bình;

2. Bà Lê Thị Kim Em.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh –Thư ký Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2019/HNST ngày 15 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 06 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2019/QĐST-HPT ngày 27 tháng 06 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Giảng Thị Mỹ P, sinh năm: 1976; địa chỉ: Ấp L.A, xã Đ.T, huyện G.C.T, tỉnh T.G; tạm trú: Số 76/8A2 L.V.B, tổ 15, Khu phố 4, phường T.T.T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Bị đơn: Ông Nguyễn Sĩ C, sinh năm: 1977; địa chỉ: Tổ 10, Khóm 1, thị trấn C.V, huyện B.M, tỉnh V.L; tạm trú: Số 28 đường số 10, Khu phố 3, phường B.T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – Văng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện ngày 09/01/2019 và tại các bản tự khai, các biên bản ghi nhận ý kiến tại Tòa, bà Giảng Thị Mỹ P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Sĩ C qua thời gian tìm hiểu được 02 (hai) năm thì cả hai tự nguyện kết hôn vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 50/2005, quyển số 01 do ủy ban nhân dân xã Đ.T, huyện G.C.T, tỉnh T.G cấp ngày 04/5/2005.

Ông bà sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà P là do ông Nguyễn Sĩ C thiếu trách nhiệm với gia đình, cờ bạc, vợ chồng không đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Bà và ông C đã sống ly thân nhiều năm nay, bà về nhà cha mẹ sinh sống. Thời gian này ông C hoàn toàn không quan tâm tới bà và con chỉ thỉnh thoảng gọi điện thoại hay qua hỏi thăm. Lâu dần bà thấy rằng mình không còn tình cảm với ông C, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, nếu có quay lại thì cũng sẽ không hạnh phúc. Do vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà:

Về quan hệ hôn nhân: ly hôn với ông Nguyễn Sĩ C.

Về con chung: có 01 (một) người con chung tên Nguyễn Hồng S, sinh ngày 10/05/2005. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung vì từ trước tới giờ bà là người chăm sóc và nuôi dưỡng con, ông C không chút quan tâm đến mẹ con bà.

Về tài sản chung và nợ chung: bà trình bày không có.

Bị đơn ông Nguyễn Sĩ C đã được Tòa án tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa nhưng không đến làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Tòa án cũng tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2019/QĐXXST-KT ngày 10 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2019/QĐST-HPT ngày 27 tháng 6 năm 2019 nhưng bị đơn ông Nguyễn Sĩ C vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

Sau khi nghe Chủ tọa công bố lời khai của đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Giảng Thị Mỹ P yêu cầu khởi kiện ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Sĩ C. Căn cứ kết quả phiếu yêu cầu xác minh số 63/2019/PYCXM, ngày 18/3/2019 của Công an phường B.T, Quận B với nội dung "*ông Nguyễn Sĩ C, sinh năm 1977 hiện đang tạm trú tại số 28 Đường số 10, Khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận B*" thì đây là tranh chấp về ly hôn là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Giảng Thị Mỹ P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Sĩ C đã được Tòa án tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Tại Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc."* Nên, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Sĩ C

Căn cứ vào bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 50/2005, quyển số 01 đăng kí ngày 04/5/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Đ.T, huyện G.C.T, tỉnh T.G có đủ cơ sở để xác định bà P và ông C là vợ chồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Bà Giảng Thị Mỹ P và ông Nguyễn Sĩ C tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn và bà P đã chuyển về địa chỉ 76/8A Đường L.V.B, khu phố 4, phường t.T.T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, từ đó cho đến nay vợ chồng đã không còn quan tâm, hỏi han và chăm sóc lẫn nhau.

Về nguyên nhân mâu thuẫn bà P xác định là do ông C thường xuyên chơi cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng không đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau;

Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Sĩ C vẫn không đến Tòa án làm việc hoặc có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án thể hiện mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Theo kết quả trả lời của phiếu yêu cầu xác minh số 84/2019/PYCXM, ngày 12/6/2019 của Hội liên hiệp phụ

nữ phường B.T nơi ông Nguyễn Sĩ C sinh sống thì cho thấy ông C và bà P không cùng sinh sống tại địa chỉ số 28 đường số 10, khu phố 3, phường B.T, Quận B.

Việc ông Nguyễn Sĩ C không đến Tòa tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không có các biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng thể hiện sự thiếu quan tâm đến việc xây dựng quan hệ hôn nhân. Việc xây dựng hàn gắn gia đình phải xuất phát từ hai phía. Do quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông C không còn yêu thương, chia sẻ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông C cũng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau nên yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ chấp nhận phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Giảng Thị Mỹ P và ông Nguyễn Sĩ C có 01 (một) người con chung là Nguyễn Hồng S, sinh ngày 10/5/2005.

Sau khi ly hôn, bà Giảng Thị Mỹ P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Sĩ C cấp dưỡng nuôi con.

Theo Biên bản hỏi ý kiến con từ đủ 07 tuổi trở lên trong vụ án hôn nhân và gia đình ngày 20/5/2019, trẻ Nguyễn Hồng S có nguyện vọng muốn sống với bà P vì từ nhỏ tới nay cháu vẫn sống cùng bà P.

Xét, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà P là chính đáng. Tuy nhiên, để giao con cho ai là người nuôi dạy tốt hơn cần phải tính đến quyền lợi về mọi mặt của con, hiện tại trẻ Nguyễn Hồng S đang sống ổn định cùng với bà P, bà P có công việc ổn định. Hơn nữa nguyện vọng của trẻ Nguyễn Hồng S là được ở với bà P; Vì vậy xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung nên giao trẻ Nguyễn Hồng S cho bà P trực tiếp nuôi dạy là có cơ sở, đảm bảo được quyền lợi của trẻ phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 và ông Ca có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con đây là sự tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Giảng Thị Mỹ P xác nhận không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà Giảng Thị Mỹ P phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Bà Giảng Thị Mỹ P và ông Nguyễn Sĩ C có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn bà Giảng Thị Mỹ P và bị đơn ông Nguyễn Sĩ C.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Giảng Thị Mỹ P và ông Nguyễn Sĩ C (Giấy chứng nhận kết hôn số 50/2005, quyển số 01, ngày 04/5/2005 do Ủy ban nhân dân xã Đ.T, huyện G.C.T, tỉnh T.G cấp).

2.2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Hồng S, sinh ngày 10/5/2005 cho bà Giảng Thị Mỹ P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Giảng Thị Mỹ P không yêu cầu ông Nguyễn Sĩ C cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Sĩ C có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Không có.

2.4. Về nợ chung: Không có.

3. Án phí sơ thẩm: Bà Giảng Thị Mỹ P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0026598 ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, bà P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Bà Giảng Thị Mỹ P, Ông Nguyễn Sĩ C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận B;
- Chi cục THADS Quận B;
- UBND xã Đ.T, huyện G.C.T, tỉnh T.G;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Tk. Thanh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Trang